

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT THÁNG 07/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 29/07/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27211341201	Bùi Thế Anh	04/01/2003	Đắk Lắk	30TBN7	6.3	7.9	Đạt	
2	28214953953	Lê Đức Anh	18/10/2004	Gia Lai	31TYC5	V	V	Không Đạt	
3	27214140265	Nguyễn Minh Tú Anh	03/06/2003	Đắk Lắk	31TYC5	7.7	8.5	Đạt	
4	28207136561	Nguyễn Thị Ngọc Anh	23/07/2004	Phú Yên	31TYC5	V	V	Không Đạt	
5	28204303046	Trịnh Ngọc Lan Anh	22/08/2004	Quảng Trị	31TSC6	7.0	9.4	Đạt	
6	28207148207	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/09/2004	Bình Định	31TYC5	6.3	4.0	Không Đạt	
7	28207144825	Trần Nguyễn Bảo Châu	18/12/2004	Đà Nẵng	31TYC5	V	V	Không Đạt	
8	26207242664	Thái Thị Linh Chi	19/12/2002	Quảng Trị	31TSC6	7.3	9.3	Đạt	
9	27215328336	Phan Minh Chiến	23/03/2003	Bình Định	31TYC5	9.0	9.0	Đạt	
10	29204642921	Nguyễn Âu Cơ	19/11/2005	Gia Lai	31TSC6	2.3	5.0	Không Đạt	
11	28204342289	Võ Thị Diệu	11/12/2004	Đà Nẵng	31THT5	7.0	5.0	Đạt	
12	27211334921	Lê Nhật Duy	31/05/2003	Phú Yên	31TYC5	7.0	5.5	Đạt	
13	27205300526	Bùi Thị Mỹ Duyên	16/12/2003	Đắk Nông	31TYC5	8.0	6.1	Đạt	
14	28208003655	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/02/2004	Đắk Lắk	31TSC6	8.3	3.9	Không Đạt	
15	28204753917	Nguyễn Thị Hương Giang	08/08/2004	Bình Dương	31TYC5	6.0	6.5	Đạt	
16	27203826454	Nguyễn Phương Hà	22/12/2003	Phú Yên	31TYC5	5.7	5.3	Đạt	
17	28204334592	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	31/08/2004	Quảng Trị	31TSC6	6.7	7.8	Đạt	
18	27214124577	Đặng Hữu Hoài	28/05/2003	Phú Yên	31TYC5	9.7	9.5	Đạt	
19	27217200777	Nguyễn Việt Hoàng	25/10/2003	Hà Nội	31TYC5	9.3	9.8	Đạt	
20	24211716067	Nguyễn Xuân Hoàng	12/04/2000	Hà Tĩnh	31TYC5	6.7	5.0	Đạt	
21	28217102547	Phạm Tấn Hoàng	26/04/2004	Quảng Bình	31TYC5	V	V	Không Đạt	
22	27217201987	Lâm Duy Béc Kham	28/08/2003	Đà Nẵng	30CSC9	6.7	5.0	Đạt	
23	27211339884	Võ Huỳnh Tiêu Khôi	21/01/2003	Quảng Ngãi	31TSC6	2.3	6.0	Không Đạt	
24	27202234748	Nguyễn Thị Diệu Linh	06/04/2003	Quảng Trị	30CYC3	3.7	3.6	Không Đạt	
25	27215351942	Lương Tấn Lộc	16/04/2003	Phú Yên	31TSC6	5.3	7.9	Đạt	
26	28206952311	Nguyễn Thị Tuyết Minh	08/03/2004	Quảng Ngãi	31TSC6	8.0	8.6	Đạt	
27	28206801355	Cao Thị Bích Nga	08/01/2004	Quảng Ngãi	31TSC6	9.7	8.9	Đạt	
28	28204653370	Ngô Thị Ngân	23/08/2004	Nghệ An	31TYC5	7.0	8.8	Đạt	
29	28204306213	Đoàn Thảo Nguyên	09/08/2004	Quảng Nam	31TSC6	8.0	9.5	Đạt	
30	26205439486	Nguyễn Thảo Nguyên	17/02/2002	Bình Định	31TSC6	6.0	8.4	Đạt	
31	28204647497	Lê Trần Ánh Nguyệt	29/12/2004	Đà Nẵng	31TYC5	7.3	6.0	Đạt	
32	28204347581	Nguyễn Nho Như Nguyệt	29/11/2004	Gia Lai	31TSC6	7.3	7.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	27202243943	Nguyễn Thị Băng	Nhạn	23/10/2003	Gia Lai	31TYC5	3.0	3.9	Không Đạt	
34	29204861773	Huỳnh Hoàng	Nhi	18/02/2005	Đà Nẵng	31TSC6	9.0	5.9	Đạt	
35	27205300450	Nguyễn Trương YẾN	Nhi	07/03/2003	Phú Yên	31TSC6	9.7	10.0	Đạt	
36	28207152926	Võ Quỳnh	Như	15/08/2004	Phú Yên	31TYC5	V	V	Không Đạt	
37	28207106149	Nguyễn Thị	Phuong	14/11/2004	Quảng Trị	31TYC5	V	V	Không Đạt	
38	29204653982	Nguyễn Thị	Phuong	20/09/2005	Thanh Hóa	31TSC6	6.0	4.0	Không Đạt	
39	28206202866	Nguyễn Thị Trúc	Phuong	22/10/2004	Gia Lai	31TSC6	7.7	7.3	Đạt	
40	28216604210	Huỳnh Anh	Quốc	08/01/2004	Quảng Ngãi	31TYC5	V	V	Không Đạt	
41	28217100579	Nguyễn Phan Ngọc	Quý	06/01/2004	Thừa Thiên H	31TSC6	3.7	2.5	Không Đạt	
42	28207149517	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	29/05/2004	Đắk Lắk	31TYC5	8.0	7.0	Đạt	
43	28206500174	Phan Lê Diễm	Quỳnh	07/08/2003	Đà Nẵng	31TSC6	8.7	9.8	Đạt	
44	28207130800	Trương Thị	Sáng	18/09/2004	Đà Nẵng	31THT7	5.3	5.5	Đạt	
45	27213225040	Đoàn Thanh	Son	27/12/2003	Quảng Bình	31TYC5	5.7	5.3	Đạt	
46	29204860106	Huỳnh Ngọc	Thư	16/06/2005	Đà Nẵng	31TSC6	9.0	10.0	Đạt	
47	29204942059	Phan Hồ Anh	Thư	07/12/2005	Quảng Nam	31TSC6	5.0	5.0	Đạt	
48	27205100657	Đồng Thị Hoài	Thương	24/11/2003	Đắk Lắk	30TBN7	5.0	5.1	Đạt	
49	27203242856	Nguyễn Thị Như	Thùy	11/06/2003	Đà Nẵng	31TYC5	9.7	6.3	Đạt	
50	29204865320	Võ Thị Mộng	Thuyền	28/11/2005	Phú Yên	31TSC6	9.3	9.3	Đạt	
51	26205441924	Trần Thị Mỹ	Tiên	04/11/2002	Phú Yên	31TSC6	8.3	10.0	Đạt	
52	28206204826	Phạm Thị Thanh	Trà	21/08/2004	Quảng Nam	31TSC6	5.7	6.9	Đạt	
53	27205140741	Võ Thị Quỳnh	Trâm	20/04/2003	Đà Nẵng	29TBN5	5.7	7.0	Đạt	
54	28206254098	Đặng Nguyễn Uyên	Trân	11/11/2004	Phú Yên	31TYC5	8.0	9.0	Đạt	
55	29204635751	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	20/11/2005	Quảng Nam	31TSC6	5.7	5.5	Đạt	
56	27203820647	Hà Huyền	Trang	22/11/2003	Quảng Bình	31TYC5	7.7	7.5	Đạt	
57	28207100598	Phan Thị	Trang	08/05/2004	Quảng Bình	31TYC5	V	V	Không Đạt	
58	28206552075	Trần Phạm Thùy	Trang	07/10/2004	Gia Lai	31TSC6	6.3	6.3	Đạt	
59	27203840829	Mai Tú	Trình	25/06/2003	Gia Lai	31TYC5	8.0	6.5	Đạt	
60	27202641658	Trương Thị Kiều	Trình	30/06/2003	Đắk Lắk	30TYC2	3.3	5.3	Không Đạt	
61	27215439728	Đỗ Thanh	Tú	15/01/2003	Quảng Nam	31TYC5	6.7	5.3	Đạt	
62	28207144397	Võ Thị Cẩm	Tú	10/04/2004	Đà Nẵng	31TSC6	4.3	5.5	Không Đạt	
63	28207100371	Ngô Ánh	Tuyền	14/06/2004	Phú Yên	31TSC6	4.0	3.0	Không Đạt	
64	29204635752	Nguyễn Vũ Kim	Yến	14/07/2005	Quảng Nam	31TSC6	5.3	7.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	

Dương Trương Quốc Khánh